

PHẨM: THĂM BỆNH

(Phần 3)

* Tiếp, vì Bồ-tát bệnh thật hỏi quán pháp để điều phục “Văn-thù-sư-lợi nói...”. Lại có hai: Một là, Văn-thù-sư-lợi hỏi. Hai là Tịnh Danh đáp.

Về hỏi, ý cũng như trước nói về pháp hành, đối chung hai hành giúp nhau phát triển nên hỏi.

Ngài Tịnh Danh đáp “Duy-ma...”, chính căn cứ ba quán để điều phục. Vì sao? Vì ba quán phá ba hoặc, tức là tu ba trí ba nhãn để điều phục ba thứ bệnh thật nội giới của Thông biệt viên, cũng là điều phục bệnh thật nhân quả ba cõi. Văn có ba phần:

a) Căn cứ từ Giả vào Không để điều phục bệnh kiến tu nội giới.

b) “Vì không có chỗ thọ nhận...”) là nói từ không vào Giả để điều phục bệnh vô tri.

c) “Bồ-tát có bệnh tự nghĩa...”) là nói chánh quán Trung đạo để điều phục bệnh thật vô minh, nghĩa của ba quán nói đầy đủ như ở huyền văn.

Phần (a) lại lược nói về tướng của ba quán. Tam tạng giáo đã không thấy Chân không cần phải luận. Về Thông giáo thì ba quán chỉ dựa vào hai đế nên chỉ thành hai quán mà không có quán thứ ba, không phải là ý đáp hiện nay. Nay chỉ dựa vào Biệt, Viên giáo chọn lấy ba quán, thì có ba thứ: Biệt tướng. Thông tướng. Nhất tâm.

- Biệt tướng, (tướng riêng) lần lượt quán riêng ba đế, từ Giả vào Không chỉ được quán chân, còn không quán tục há được quán trung. Từ không vào Giả chỉ được quán tục cũng chưa quán Trung. Nếu nhập Trung đạo mới được song chiếu. Huyền nghĩa đã nói đủ.

- Thông tướng, (tướng chung) có khác với đây. Từ Giả vào Không không phải chỉ Tục không, mà chân Trung cũng không. Từ không vào Giả không phải chỉ tục giả, chân Trung cũng giả. Nếu vào Trung đạo không phải chỉ biết Trung là Trung, tục chân cũng trung. Ấy là một không thì tất cả không, chẳng có giả trung nào chẳng không. Một giả thì tất cả giả, chẳng có không trung nào chẳng giả. Một trung thì tất cả trung, chẳng có không giả nào chẳng trung. Chỉ dùng một quán mà giải tâm đều thông. Tuy nhiên đây là tín giải giả thông, đến quán trừ bệnh đều có trước sau.

- Nhất tâm, biết tâm một niệm bất khả đắc bất khả thuyết mà luôn quán trọn cả ba đế. Tức kinh này nói: Một niệm biết tất cả pháp là đạo

tràng, thành tựu tất cả trí. Huyền nghĩa đã nói đủ.

Ba thứ tam quán này, ban đầu là tướng riêng chính ở Biệt giáo, tướng chung và nhất tâm là thuộc Viên giáo. Nay sáu phẩm trong thất chính là thuộc tướng chúng hoặc dùng nhất tâm. Sao biết được? Trước hết từ Giả vào Không, quán rằng: Chỉ có bệnh không, bệnh không cũng không. Đây giống như không ở Trung đạo. Lại phẩm Quán Chúng Sinh là từ Giả vào Không quán suốt ba đế. Xem văn mới thấy.

Hỏi: Hai thứ ba quán này đều là Viên, sao lại là hai?

Đáp: Thông tướng căn cứ chung. Luận Viên e là Phương đẳng kèm phương tiện của Viên, không đồng với Pháp hoa.

Nay nói từ Giả vào Không quán, cũng gọi là quán hai đế, tức là tu tất cả trí tuệ nhân. Văn có ba: Một là Quán chúng sinh Giả Không. Hai là, Quán thật pháp Giả Không. Ba là, Quán bình đẳng Giả Không.

Quán chúng sanh giả không: Văn kinh hoàn toàn giống như phân tích giả. Vì sao? Trước phá ngã tướng và chúng sinh tướng là chúng sinh Không. Kế đến phải khởi pháp tướng, là riêng tu pháp Không. Đây trái với dụ hình ảnh ngón tay và nắm tay trong gương. Nay nói không phải thế. Đây có ý riêng. Nếu người Thanh văn chỉ cầu tự độ thì tướng chung phá người tức là phá pháp Không. Bề-tát vì hóa độ chúng sinh mà có tướng chung tướng riêng. Nếu tướng chung chỉ thể nhập ba giả đều như huyễn hóa. Về tướng riêng mà quán vào Không, trước cần phân biệt chúng sinh, Thật pháp, bình đẳng Không nhằm lẫn, sau đó mới quán Không. Vì sao? Vì Bề-tát tập hợp pháp được cần phải phân biệt kỹ, vì phải phân biệt thuốc và bệnh để làm phương tiện. Do đó Đại luận giải thích việc Bề-tát dùng đạo chửng tuệ để vào Không, là khắp phân biệt các đạo mới vào Không vậy. Cho nên kinh này nói tuy trước quán chúng sinh vào Không mà lại cần phải khởi pháp tướng.

Đoạn văn sau nói: Lấy gì làm Không? Chỉ lấy danh tự nên không. Nếu nói chỉ lấy danh tự, tức là như huyễn như hóa là ý thể Giả nhập không.

Trước nói chúng sinh Không, văn có ba:

1) Chính nói phá chúng sinh Giả vào Không tức là căn cứ nhân mà phá quả.

2) Giải thích là ước quả phá nhân.

3) Kết thành.

- Đời trước vọng tưởng tức là vô minh và hành thường chiêu cảm năm quả thức... đời này, nếu có quả này tức là có bệnh. Do nhân hư vọng, quả báo không thật, lý đúng là hư giả trong ấy không có ngã, nên

nói ai thọ nhận. Văn này cũng không phán xét tích thể. Nay so nghĩa văn dưới, suy ra phần nhiều là dùng thể giả.

- Giải thích “Sở dĩ... sinh đấm trước”, tức là dùng quả phá nhân, quả tức là thân này là bốn đại không chủ. Vì không chủ nên vô ngã. Phá bốn đại, như trước đã dựa theo thỉnh Quan Âm nói. Nói dùng quả phá nhân là kinh nhắc lại mà giải thích rằng: Lại bệnh này đều do đấm trước ngã. Do mê quả này mà chấp ngã tức là si, thuận theo ngã tức là tham, trái ngã liền sinh sân, tức ái, thủ, hữu cho nên có sinh tử ở vị lai, các khổ không dứt. Nếu biết vô chủ thì không chấp ngã và khởi ái, thủ, hữu, nên nói là dùng quả phá nhân.

- Kết thành “Đã biết... sinh tưởng”, nếu biết vọng chấp là gốc bệnh, tức là trừ ngã tưởng và chúng sinh tưởng. Nếu tưởng ngã nhân diệt thì mười sáu tri kiến và sáu mươi hai kiến, tất cả thuộc kiến phiến não đều diệt, tức là quả Tu-đà-hoàn trí đoạn, là Bồ-tát Vô sinh pháp nhẫn.

Tiếp nói về pháp Không “Đương khởi...”. Văn có ba:

- 1) Phân biệt pháp.
- 2) Phá trừ.
- 3) Giải thích.

- Phân biệt pháp. Bồ-tát vì lợi ích chúng sinh, trước phân biệt pháp tướng rồi mới nhập không. Nên Đại luận nói: “Trước dùng pháp trí phân biệt các pháp, sau đó mới dùng trí Niết-bàn.” Do đó nhập quán chúng sinh Không rồi lại khởi pháp tướng phân biệt các pháp, sau đó mới có thể nhập pháp mà vào Không. Như ngài Thân Tử lợi căn nhập kiến đạo xong liền mới có thể đoạn kiết mà thành quả A-la-hán. Dừng lại bảy ngày để theo Phật làm tướng chuyển pháp luân. Nên cần ở bậc Hữu học khắp biết các pháp người học phải làm, rồi mới chứng La-hán. Nay Bồ-tát muốn quán pháp từ Giả vào Không, trước phải khởi pháp tướng. Chỉ vì các pháp hợp thành thân này, tức trước phân biệt các pháp nhân duyên, đó là hai nhân ở quá khứ mà thành năm quả ngày nay, do các pháp ấm, nhập, giới tạo thành thân giả danh, cũng là pháp mười pháp giới. Sao biết được? Vì thân chúng sinh đầy đủ sáu đạo, sau phá Niết-bàn tức phá bốn thứ người tu chấp Niết-bàn.

Khởi chỉ là pháp khởi, là ấm, nhập, giới chỉ là pháp sinh trong ấy không có ngã kiến khởi khiến diệt. Lại hiểu khởi là chỉ là pháp khởi, là pháp khởi nhân quả sáu đường. Diệt chỉ là pháp diệt là bốn thứ Thánh nhân được hai thứ Niết-bàn, tức là pháp diệt nhân quả tam giới. Lại pháp này, là mỗi thứ đều không biết nhau, là sắc không biết tâm, tâm

không biết sắc. Nhập, giới đều như thế mỗi thứ không biết nhau. Vì sao? Vì các pháp vô tánh, vô tri giả kiến giả. Do đâu mà biết, lúc khởi không nói ngã Khởi. Trước nói “Không biết” là đều không biết nhau. Nay nói các pháp vô tánh không biết nhau khởi lên, tuy có pháp khởi nhưng không có tánh mình và người, hư giả không thật, khi diệt không nói là ngã. Nghĩa diệt cũng thế.

- Nói phá trừ pháp tướng “Bỉ hữu bệnh... Niết-bàn...”, là diệt pháp tướng, là biết pháp tướng điên đảo, là tai họa lớn. Không có pháp mà sinh pháp tướng tức là điên đảo. Đây tức là thể nhập như huyền hóa. Không đồng với người số luận pháp tướng tức là si, trái và thuận tức là tham và sân. Nhân đó có mười sử, chín mươi tám sử, các nghiệp thiện ác khởi lên tức có bệnh thật nhân quả phần đoạn, nên nói tức là “tai họa lớn.” Cho đến chấp có bốn hạng người Niết-bàn, đều là tai họa lớn. Ta phải nên lìa bỏ, là lìa các pháp tướng hai biên điên đảo. Đây có hai nghĩa:

a) Biết pháp được phân biệt đều như huyền hóa mà được lìa pháp tướng.

b) Biết do tâm thì có phân biệt.

Nếu thể nhập nội tâm tùy lý ba giả tạo thành không có mình người... Huyền nghĩa đã nói từ Giả vào Không, bốn mươi tám lần phá kiến tức không có có, không... bốn kiến pháp tướng. Lại dùng chín trăm bảy mươi hai lần phá tứ, tức là tư duy pháp tướng trong tam giới hoàn toàn hết. Đó là quả Tư-đà-hàm cho đến A-la-hán trí đoạn, đều là Bồ-tát Vô sinh pháp nhẫn. Tức là thể pháp giả nhập không. Thế nào là lìa, lìa ngã, ngã sở, nội tâm pháp tướng là ngã, chấp mười pháp giới là sở. Nếu thể nhập nội tâm hay khởi pháp tướng điên đảo huyền hóa không có mình người... Như trước phá, tức là lìa ngã. Nếu hiểu mười giới huyền hóa hư giả không mình người... tức là lìa sở. Thế nào là lìa ngã, ngã sở..., trước ước lìa năng quán ngã là nội, lìa sở quán ngã là ngoại, gọi là Không nghĩ hai pháp. Trong đây tức sinh tử nội giới là nội, Niết-bàn ngoại giới là ngoại, gọi là Không nghĩ hai pháp. Nếu hai biên đều không, thì gọi là bình đẳng, tức là thể giả nhập pháp Không, nghĩa là ngã bình đẳng Niết-bàn bình đẳng như trước đã nói. Tâm hay khởi pháp tướng là ngã. Ngã này tức không, Niết-bàn là sở, sở cũng tức không, lý không chẳng hai, tức là bình đẳng vậy. Cũng nên nói rằng sinh tử là sở. Niết-bàn còn không hướng là pháp sinh tử.

- Giải thích “Sở dĩ... định tánh”, ngã và Niết-bàn là hai thứ đều không, tức là từ thể nhập pháp hai biên là giả để vào Không. Lại nhắc

lại giải thích nói chỉ vì danh tự nên là Không. Hai pháp Không có tánh nhất định. Đây chính là hiển bày thể nhập pháp giả không, chính ý là ở đây. Nên trước phán xét cái quán đầu này là thể nhập cái không của Đại thừa. Vì danh tự rỗng không, nên tánh không quyết định, tức là sinh tử và Niết-bàn đối đãi nhau mà có danh tự, không có pháp nhất định là sinh tử hay Niết-bàn. Tìm xét bốn trường hợp. Nếu bất khả đắc mà nói hai pháp là chỉ có danh tự không có tánh quyết định.

Cuối cùng nói bình đẳng Không “đắc thị... diệt không”. Tức là thể nhập bình đẳng giả để vào Không. Nói bình đẳng là sinh tử hữu vi, Niết-bàn vô vi, e pháp khác nhau nên không bằng nhau, nay hai pháp đều không, chẳng có hai tướng khác nhau tức gọi bình đẳng. Nếu còn bình đẳng thì không phải là Bình đẳng Không. Như còn sinh pháp thì không phải sinh pháp Không. Đắc là bình đẳng chỉ có không bệnh là đẳng tức là thể nhập bình đẳng giả để vào Không. Sở dĩ bình đẳng là giả là đối đãi với bất bình đẳng mà có bình đẳng, tức là giả đối nhau. Tìm xét bốn trường hợp. Nếu bất khả đắc chỉ có danh tự, mà danh tự tức Không, tức là thể nhập bình đẳng Giả Không, bệnh không cũng không.

Hỏi: Đây là trái với kinh Anh Lạc nói: Từ Không vào Giả mới là bình đẳng. Vì sao lại lấy quán đầu nói là bình đẳng Không.

Đáp: Bồ-tát lợi căn nếu không được sinh tử biết Niết-bàn cũng không, có thể xa phá bệnh trệ không, gọi là bình đẳng Không. Đây có hai thứ: Thông giáo vào Không, chưa phát khởi chân trí, vọng chấp Niết-bàn sinh ra hý luận. Đây như Đại luận phá Đệ nhất nghĩa không, dẫn Tỳ-đàm hữu duyên vô vi sinh sử. Biết bệnh không cũng không tức là chẳng có bệnh không. Thấy Đệ nhất nghĩa là ý của Thông giáo. Biết và Viên giáo không thế. Nếu thấy thiên chân mà khởi nhiễm trước là Không thể vào Giả, như trụ ở hóa thành nên gọi là bệnh không. Biết không cũng không tức là Trung đạo. Lại nữa, nếu nói ngã đẳng... tức sinh tử không, Niết-bàn đẳng... tức chân đế không, bệnh không cũng không, tức là vọng chấp, Trung đạo bệnh không cũng hết. Xem ý văn tức như thế. Quán này tức tướng chung vào Không, chẳng phải chỉ giả không mà Trung chân cũng không. Quán đầu tuy như thế nhưng vị và hạnh sau cùng từ Giả vào Không, há biết không của Trung như vô minh tức đoạn giống như Thanh văn ở đạo phương tiện chưa vào chánh vị. Tuy hư tâm phá không nhưng thật chưa thấy Đế. Xét kỹ ý này cùng với ủy dụ lần đầu ý đồng.

Phần (b) từ Không vào Giả “là có bệnh...”, từ không vào Giả để điều phục bệnh vô tri. Quán này chính là điều phục bệnh thật vô tri nội

ngoại giới, cũng gọi là bình đẳng quán, tức là tuy pháp nhãn đạo chủng trí. Đây chính là Phật đạo phẩm làm gốc. Vì không chỗ thọ nhận tức vẫn là Không quán nói trên đã đoạn các thọ nội giới. Sở dĩ nhận các thọ này vì hóa độ các chúng sinh ái kiến. Xuất giả có ba thứ:

1) Từ Niệm xứ tương tự Không mà xuất. Vì sao? Vì Bồ-tát có tâm hóa vật thì nặng mà tự lợi thì nhẹ. Vì từ bi nặng nên không lo việc đoạn kiến. Từ tương tự không, liền khiến xuất giả, kiến tư chưa đoạn nên nói có bệnh.

2) Từ kiến Đế trọn không lui sụt bèn xuất giả. Tư hoặc chưa hết, tức là có bệnh.

3) Đoạn kiến tư hết rồi mới xuất giả. Thông giáo ngang đây. Đây mới là Không có chính bệnh ở tam giới, cũng còn tập khí vô tri cũng là có bệnh. Như Biệt giáo nhập vào vô lượng Tứ đế, Giả của trần sa nên gọi là nhập giả. Chỉ Biệt, Viên đều có quán nhập giả. Nay lấy Thông giáo mà đoạn hết phần đoạn, chính là ở Biệt giáo xuất giả. Nên nhờ thông mà hiển bày, không phải là dùng Thông. Nhưng Thông giáo thì Biệt hoặc, kiến tư, vô minh cũng chưa hết, nên Biệt, Viên cũng còn đầy đủ có bệnh ngoại giới. Trước nói nhập không đã thể nhập ba Giả. Nay nói vào Giả lại nhập ba Giả. Phần nhập giả ủy dụ thứ hai của Biệt giáo trên thì văn kinh có đủ năm phần, nay phần quán điều phục thứ hai thì văn cũng đủ năm. Tuy không có thứ lớp Đại ý vẫn gần đồng. Văn đủ năm phần là:

a) Vì không chỗ thọ mà thọ các thọ, đây là người có Thần căn lợi nên có thể xuất Giả.

b) Chưa đủ Phật pháp Không nên diệt thọ mà thủ chứng, ấy là người đại tinh tấn, thường vì chúng sinh rèn tập Phật pháp.

c) Giả sử thân có khổ, phải khởi Bi tâm tức là đại bi.

d) Mình đã điều phục, vậy nên điều phục người khác, tức là nguyện lớn.

e) Thường điều phục được tuệ lợi ích, tức tâm mạnh mẽ.

- Nay giải thích vì không chỗ thọ mà thọ nhận các thọ. Nếu Niệm xứ, Noãn, Đảnh, phương tiện phục kiến thì gọi là Không chỗ thọ. Nếu kiến Đế thì một khi thọ nhận không lui sụt mà thường vắng lặng. Không thọ sáu mươi hai kiến gọi là Không chỗ thọ. Đoạn kết kiến tư rồi vị bằng A-la-hán. Nên Pháp Hoa có nói: Đối các pháp Không thọ nhận đều thành A-la-hán. Trí đoạn là Bồ-tát vô sinh, tức là thật không chỗ thọ. Như đối với ngoại giới cũng còn gọi là thọ, không hại chi đến kiến tư tam giới, đã đoạn tùy phần thì gọi là thật không chỗ thọ. Đại Phẩm

nói: Không thọ có năm, đó là thọ, không thọ, không thọ cũng không thọ cho đến không phải thọ, không phải Không thọ, cũng không thọ, không thọ cũng không thọ. Bốn thứ trước là phá ngã tức không thọ sinh tử mà được nhập Niết-bàn, một thứ sau là Không thọ Niết-bàn tức hay nhập giả. Bồ-tát từ bi nên cần phải cứu độ. Thế nào là Không thọ mà thọ Niết-bàn, vì cần phải nhập giả thọ các thọ ấy, nên nói chúng sinh bệnh thì ta bệnh. Chúng sinh nếu lìa các thọ kiến tư thì ta cũng lìa. Nên nói chúng sinh bệnh lành thì bệnh ta lành. Là nghĩa ấy, nên dùng không thọ mà thọ các thọ. Thọ gồm có ba: Một là Thọ của phàm phu. Hai là, Thọ của Nhị thừa. Ba là, Thọ của Bồ-tát.

- Thọ phàm phu, là thuộc ái thuộc kiến, ái kiến đều có thiện ác.

Nếu thọ thuộc ái ác, tức là Ma-la ưa sinh tử, khởi ba độc, mười sử, phỉ báng phương đẳng, ngũ nghịch, tứ trọng tội, thập ác, ba đường dữ... các thọ này, là Bồ-tát dùng không chỗ thọ mà thọ nhận các ác này. Như Điều-đạt, Bà-tẩu chịu nghiệp trọng tội bị khổ ở địa ngục cho đến nhận các khổ ngã quý súc sinh.

Nếu thọ thuộc ái thiện, từ ái phiền não mà khởi thập thiện, mười hai môn thiện có quả báo Tu-la, nhân, Thiên phương tiện gần gũi mà dạy dỗ dẫn dắt. Thọ thuộc kiến cũng có hai thứ:

+ Nhân kiến mà tạo ác như Ni-kiến kiến.

+ Nhân kiến mà tạo thiện tức là Phạm chí thấy Bồ-tát.

Thật ra không phải chín mười sáu thứ ngoại đạo mà do thương các chúng sinh thuộc kiến, nên nhận lấy các kiến thiện ác, hòa quang nhưng không đồng trần mà hóa độ.

- Thọ Nhị thừa. Tức là thọ thuộc hai thừa, Tạng, Thông một là thọ bốn môn của Tam tạng giáo. Thấy hữu mà được đạo như Tỳ-đàm. Bồ-tát nhập không biết sinh sinh bất khả thuyết, há có sinh diệt để thọ nhận vì đáng dùng môn này mà được độ mà thọ các thọ ấy để rồi nói pháp, làm luận Tất-đàn lợi sinh. Thọ Không môn như Thành luận nói: Thấy không mà được đạo. Bồ-tát từ lâu biết sinh sinh bất khả thuyết, há có tích sinh và pháp hai không cho đến diệt ba tâm Niết-bàn có thể thọ. Vì tiếp môn này mà vào đạo thọ lấy để làm luận và Tất-đàn lợi sinh. Thọ “cũng có cũng không” như Côn Lặc luận. Còn môn thọ chẳng phải có chẳng phải Không thì như vì Xa-nặc mà nói lìa có không. Hai là thọ Nhị thừa của Thông giáo. Đây là ước mười dụ để nói về bốn môn, như phẩm Quán Pháp của Trung luận đã nói. Nên Đại luận khen Bát-nhã rằng: Bát-nhã như lửa nóng bốn bề không thể lấy. Bồ-tát từ Giả vào Không từ lâu mà biết bất sinh sinh bất khả thọ bất khả thuyết, chỉ vì chúng sinh

căn tánh có bốn môn này, mà nhập giả thọ lấy để làm luận thuyết pháp, dùng bốn Tất-đàn mà giáo hóa hàng Nhị thừa.

- Thọ của Bồ-tát, Bồ-tát từ Giả vào Không biết bốn bất thọ bất khả thuyết bốn giáo Đại thừa. Vì có bốn thứ căn tánh Đại thừa từ không vào Giả mà thọ mười sáu môn của bốn giáo, hóa độ bốn căn tánh, dùng bốn Tất-đàn nói pháp làm luận mà độ thoát.

Hỏi: Nếu vào Giả thọ bốn môn của Viên giáo thì cần gì quán thứ ba?

Đáp: Quán kinh này ý cần dùng Thông tướng nhập giả mà giải thích.

Nói tinh tấn thường đủ Phật pháp: “Chưa đủ... thủ chứng”. Bồ-tát lợi căn từ không nhập giả, tuy luôn dùng không chỗ thọ mà nhận các thọ, như trồng cây trên không trung, nhưng nếu không có sức đại tinh tấn thì không thể ở trong các thọ mà thành tựu tất cả Phật pháp. Như người lười biếng dẫu có đồ đạc mà chẳng làm gì nên. Nếu đại tinh tấn thì như Thái tử Đại thí “không” như biển lớn. Như kinh Hoa Nghiêm nói: Bạc Thất địa muốn chìm đắm không, chư Phật không chấp nhận điều đó, mà khuyên phát khởi sức đại tinh tấn, nên Bồ-tát nhập giả. Chưa đủ Phật pháp nên khuyên tinh tấn không nên thọ diệt thủ chứng. Nay nói đầy đủ Phật pháp, là lại căn cứ vào ba thứ thọ của tất cả pháp. Một, nói về thọ phạm phu đủ tất cả pháp là ước thọ thuộc ái kiến. Thọ thuộc ái ác như trước đã nói, thọ các thọ này là tu đủ tất cả pháp. Bồ-tát đối với các thọ bất thiện mà biết bệnh biết thuốc. Biết bệnh tức là biết khổ tập, biết thuốc tức là biết đạo diệt. Biết bốn điều chẳng thể nêu bày mà thông suốt Tứ đế, tức là hành phi đạo mà thấu suốt Phật đạo. Đạo bất thiện này tức giống Như Lai dùng bốn Tất-đàn tự hành hóa tha, đầy đủ như ở Phật đạo phẩm... Kế nói về thọ ái thiện, đầy đủ Phật pháp thì cũng như trước đã giải thích. Đối với thiện thọ này hay biết thiên văn địa lý, sách sử phê-đà, ngũ minh, lục nghệ luận về thập thiện của Luân vương, Thần tiên có ngũ thông, luận về các thiện của Thích Đề-hoàn Nhân, luận nói các Phạm thiên vương ra khỏi cõi Dục, không thứ nào không biết. Lại đối pháp này mà biết bốn điều chẳng thể nêu bày như nói trong ác trước. Sau lại nói thọ thuộc kiến về thọ ác thọ thiện. Đem tà tướng vào chánh pháp mà tu tất cả Phật pháp cũng như thế.

Thọ của Nhị thừa đủ tất cả Phật pháp, tức bốn môn của Tạng Thông đều biết bốn điều chẳng thể nêu bày như đã nêu trong ác trước.

Thọ của Bồ-tát đủ tất cả Phật pháp. Bồ-tát bốn giáo như trước nói. Bồ-tát biết bốn điều chẳng thể nêu bày, nhập giả lợi ích quần sinh.

Bồ-tát của Tam tạng giáo có môn sinh diệt Tứ đế, khởi bốn hồng thệ nguyện, suốt a-tăng-kỳ kiếp hành hạnh lục độ, đủ tất cả pháp mà ở sinh diệt Tứ đế, thấu suốt ba thứ Tứ đế tự lợi lợi tha. Ba môn kia cũng thế. Mười hai môn của Thông Biệt, Viên cũng như thế. Nếu thọ cái thọ phàm phu mà chưa đủ Phật pháp thì không được diệt để thủ chứng. Cho đến thọ của Bồ-tát cũng thế. Kinh Hoa Nghiêm chê bậc Thất địa chìm đắm trong không, là ý ở đây vậy. Kinh Anh Lạc nói: Bạc Đăng giác trong vô lượng trăm ngàn vạn kiếp nhập Trùng huyền môn, tu việc phàm phu, tức là chưa diệt thọ phàm phu mà thủ chứng. Thọ phàm phu còn thế. Còn thọ Nhị thừa Bồ-tát chưa đủ Phật pháp sao được diệt mà thủ chứng.

Nói nhập giả khởi bi: “Thiết thân... đại bi tâm”, nhập giả tinh tấn, học Phật pháp đầy đủ, vốn vì hóa tha. Nếu tâm đại bi ít, thì tâm tinh tấn yếu, nên cần phải tu nhiều tâm Bi. Giả sử thân có khổ. Nếu là niệm xứ... xuất giả, phục hoặc chưa đoạn, nếu vào sinh tử bị khổ ép bức thân mà sinh hối hận. Nếu đoạn kiết thấy chân hoặc tự ích kỷ ham muốn vào Niết-bàn mà buông bỏ tinh tấn. Nên khuyên thương các ác thú, từ vô lượng kiếp đến nay không biết chân, chính vì chìm đắm trong biển khổ. Nay được niệm xứ noãn đảnh mà biết không, khổ còn khó chịu nổi, huống là đám người ấy. Cho đến thấy Đế mà xuất giả. Nay có tư duy, khổ còn khó chịu huống là đủ các phược trong ác thú. Cho đến đoạn hết kiến tư mà xuất giả. Nay chỉ có rèn tập, khổ còn khó chịu nổi, huống là phàm phu tam giới... Khi nghĩ như thế thì đại bi lần lượt tăng trưởng, nên cam tâm mà chịu khổ, gánh vác chúng sinh, tinh tấn xuất giả, đủ như trước đã giải thích. Lấy bệnh mình mà thương bệnh người, ý này đồng.

Nói về nguyện lớn: “Ta đã...”. Văn có bốn:

- 1) Đáp lại bốn nguyện hóa vật.
- 2) Lấy bỏ.
- 3) Chánh hóa vật.
- 4) Truyền giải thích.

- Nói đáp lại bản nguyện “Ta đã... chúng sinh”. Vì sao? Vì lời nguyện từ bi độ sinh, chỉ vì trị bệnh bên trong còn nặng, chưa hoàn thành xong pháp hóa tha. Nay cần tu hai quán, để điều phục chấp tướng phá trừ vô minh, làm cho giảm bớt hoặc dứt hẳn, nên nói ta đã điều phục. Vì bốn nguyện độ vật, nay cần điều phục tất cả chúng sinh, chỉ trừ bệnh mà không bỏ pháp.

- Nói về lấy bỏ. Có thầy nói: Như mắt bệnh thì thấy hoa đốm. Khi

bệnh lành thì hoa đóm không còn. Chúng sinh cũng thế, vọng thấy các pháp, khi vọng hoặc đã diệt thì không còn pháp nào để dẹp trừ. Đây là vốn không pháp sao cho là trừ pháp. Nay nói tất cả chúng sinh đủ các pháp ở mười giới, vì vô minh không hiểu tùy chỗ gặp mà bệnh sinh. Nếu có trí tuệ vô ngại tự tại thì tất cả đều là Phật sự. Ví như lửa là pháp đốt cháy, nếu gặp liền đốt, cũng như bệnh, cẩn thận không chạm đến tức là trừ bệnh, đâu thể trừ lửa. Trừ lửa tức là mất công năng làm ấm thân, chiếu sáng và tạo thức ăn. Về mười hai nhân duyên ở ba đường cũng thế. Đây có pháp lấy bỏ không đồng với việc dẹp trừ. Lại lửa có công năng đốt cháy, người có pháp thuật thì ra vào tự do không cần phải trừ lửa. Cho nên tám vạn bốn ngàn phiền não đối với phàm phu là bệnh nặng, còn đối với chư Phật, Bồ-tát thì xem đó đều là Phật sự. Cũng như trị mắt là bỏ bệnh mà để nguyên trông mắt, vì trị gốc bệnh mà dạy dỗ dẫn dắt.

- Chính nói về hóa vật: gốc bệnh tức là một niệm vô minh chấp tướng. Nên kinh Hoa Nghiêm nói: Trong tam giới không riêng có một pháp nào, chỉ là một tâm tạo ra. Nay nói chỉ là một niệm vô minh chấp tướng do tâm tạo ra, đây tức là gốc bệnh của tam giới. Nếu biết vô minh không khởi, thì chấp có liền hết, nên không tạo thứ mới, tức là đoạn được gốc bệnh.

- Truyền giải thích “Sao gọi gốc bệnh...”. Văn đây lại có hai phần: Một là, Giải thích nêu ra gốc bệnh. Hai là, Giải thích giáo hóa đoạn trừ.

Giải thích thế nào gọi là gốc bệnh. Phan duyên chỉ là vọng niệm chấp tướng vô minh. Hành ở quá khứ hợp với ái, thủ, hữu ở hiện tại, hợp với phan duyên ở quá khứ làm gốc bệnh ở hiện tại; phan duyên ở hiện tại làm gốc bệnh ở vị lai. Phan duyên với cái gì, đó là phan duyên với tam giới. Phan duyên ở quá khứ hiện tại đều duyên với tam giới. Nếu lìa tam giới thì không có duyên nào khác.

Giải thích giáo hóa đoạn trừ “Hà... vô sở đắc”, tức tâm không thể được là Không tuệ vô tướng, không được một niệm vô minh chấp tướng tam giới, tức tâm không chỗ được, các phan duyên đều dứt, như kinh nói không có chỗ phan duyên, gọi hai kiến là ngã và Niết-bàn hai thứ này đều không tức là tâm nội ngoại kiến đều không chỗ được. Nếu tâm không chỗ được thì mọi vô minh chấp tướng, phan duyên đều dứt, thì nước tâm thanh tịnh, tướng châu tự hiện ra. Nếu được tâm thanh tịnh luôn nhất như thì có thể thấy được Bát-nhã. Đó là yếu đạo của việc hóa vật.

Nói về tâm mạnh mẽ: “Văn-thù...”. Kết giải thích bốn thứ trước. Văn có hai: Một là Chánh kết giải thích. Hai là, Thí dụ làm sáng tỏ.

- Chánh kết: Ấy là Bồ-tát có bệnh điều phục tâm mình, là kết từ không vào Giả để điều phục tâm, tu tất cả Phật pháp, là kết hay lợi ích tất cả chúng sinh. Như kinh Kim Cang Bát-nhã có nói Bồ-tát điều phục tâm mình diệt độ vô lượng chúng sinh mà thật không có chúng sinh được diệt độ, tức là nghĩa này. Vì đoạn khổ, lão, bệnh, tử là Bồ-đề của Bồ-tát. Bồ-đề nói là đạo. Nếu không lợi vật tức là đạo của Nhị thừa Bồ-đề, gọi là đạo, Tát-đỏa gọi là thành chúng sinh. Nếu không thế là Không có tuệ lợi, chúng sinh không được pháp thí tuệ lợi, đối với vật không có lợi ích lớn để ra khỏi sinh tử.

- Nói thí dụ để hiển bày “Thí như thắng giặc dữ”, Bồ-tát tâm lợi vật rất mạnh mẽ. Tâm ái kiến hay dạy chúng sinh vào ma ngoại, tức là chúng sinh vào oán đạo, Bồ-tát hay đoạn kiến tư là thắng giặc dữ. Gồm trừ là gồm nói chưa chánh thức, Bồ-tát chưa hết các kết hoặc pháp giới, do đó cần tự hành phụ thêm gồm lợi vật, nên nói gồm trừ. Lại gồm trừ là ở nhân mà gồm trừ các chúng sinh sinh tử, khi thành Phật thì đoạn trừ rốt ráo.

Phần (c) Nói Bồ-tát có bệnh “Người ấy có bệnh...”, Bồ-tát có bệnh thì dùng Trung quán để điều phục, hai quán trước làm phương tiện quán này tức là trí Bồ-đề của Phật, để đoạn bệnh thật vô minh tự thể. Nên kinh Thắng-man nói “Vô minh trụ địa công lực lớn nhất, chỉ có trí Bồ-đề của Phật mới đoạn được. Nhân đó mà phát chân, khai phát tri kiến, cũng gọi là Nhất thiết chủng trí, cũng gọi là Phật nhãn. Ấy là dùng phẩm Nhập Bát Nhị Pháp Môn làm gốc, đầy đủ như ở huyền nghĩa. Tu vị quán này ước giáo có ba. Về Thông giáo thì bậc lục địa đoạn được bốn trụ, thất địa đoạn các trần sa, bát địa đạo quán song lưu. Nếu Biệt giáo tiếp theo Bát địa của Thông giáo thì tu Trung đạo để trị bệnh vô minh, bậc Địa thứ chín thì tương tự giải thoát gọi là Văn kiến, bậc Thập địa thì phát chân gọi là nhãn kiến. Về Biệt giáo, thì bậc Thập trụ đã đoạn bốn trụ, thập hạnh trừ hết trần sa, nhân giải hạnh trước mà được tu quán này. Thập phẩm thì tương tự giải thoát tức là hồi hương. Bát địa Phát chân phần phá vô minh, đạo quán song lưu, vào biển Tát-bà-nhã. Về Viên giáo, bậc năm phẩm tức tu quán này, nếu sinh tương tự giải thoát thì được sáu căn tịnh, nếu luôn phát chân thì liền nhập sơ trụ, đoạn bệnh thật vô minh, đạo quán song lưu, tự nhiên lưu nhập. Cho đến bậc Đẳng giác, vô minh chưa hết, đều gọi là có bệnh. Lấy Biệt tiếp thông và đoạn phục Biệt giáo đều là phương tiện. Nay hạnh sơ phát tâm sinh

tu cho đến ngồi dưới cội Bồ-đề, cho nên hàng sơ tâm của Viên giáo liền học Trung quán. Văn có hai: Một là, Chính nói về Trung quán. Hai là, Đạo quán song lưu.

Phần một có hai: Nói về quán thể và Chọn phi.

Phần nói về quán thể lại có hai:

* Nói về tự quán.

* Nói về quán chúng sinh.

Nói về tự quán: Như bệnh ta đây không phải thật không phải có, là nói về tự quán pháp thân có bệnh vô minh tự thể. Không phải chân, không phải Không, không phải hữu, không phải giả. Lại không phải chân, là Không phải từ Giả vào Không để trị bệnh. Không phải có là Không phải trị bệnh từ Không vào Giả. Cho nên hai phương tiện trước không phải là chánh quán. Nhân hai thứ không ấy nay nhập Trung đạo. Bốn trường hợp xét kiểm vô minh rất ráo không thể được, tức biết tánh vô minh tức là minh. Minh cũng không thể được. Ấy là nhập pháp môn bất nhị, tức là thấy thật đế Phật tánh như hư không, gọi là quán Trung đạo. Huyền nghĩa có nói đủ. Quán như thế là phá bệnh vô minh mê thật đế. Bệnh chúng sinh không phải chân, cũng không phải có.

Nói về quán chúng sinh. Khi tu quán này không phải chỉ tự biết bệnh không phải Chân không phải hữu, mà biết chúng sinh cũng thế. Đó là quán bệnh căn bản chúng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh xưa nay cùng Bồ-tát không phải chân, không phải hữu, nhất như bất nhị, không sai khác nhau. Chúng sinh vì mê nên đọa vào hai thứ sinh tử, Bồ-tát quán chiếu thấu suốt mười giới đều có bệnh vô minh Trung đạo, cho nên mình người bệnh đồng, là chân thể một vô minh. Lấy đây mà ng-hiệm biết kinh này Quán trung, thì chẳng giả không nào chẳng trung

Nói về chọn phi, có ba: Một là, căn cứ ái kiến đại bi. Hai là căn cứ thiên định. Ba là căn cứ hai trí.

Ba phi này chính là chọn trong hai thứ trang nghiêm pháp thân.

Một căn cứ ái kiến đại bi: Nếu quán Trung đạo mà sinh ái kiến thì không thể song chiếu hai đế, nếu chiếu hai đế thì cũng không thể chiếu được Trung. Nay quán Trung đạo mà không sinh ái kiến, nếu chiếu Trung đạo liền có thể song chiếu mà không mất Trung đạo, tức là một tâm ba quán, tức là chánh thể của quán chân trung. Đây là ái kiến chánh ước với Trung đạo. Như căn cứ hai đế thì thuộc hai quán trước. Nếu nói theo ba đế quyền thật, thì đây là tự hành quyền thật. Vì sao? Vì tự hành chiếu thật đế là thật, chiếu hai đế là quyền. Nếu ước chánh đạo mà sinh ái kiến Bi, tức là pháp thân có bệnh. Đây có bốn: Chính

nói khởi ái kiến. Giải thích thị phi. Dẫn lời Phật làm chứng. Kết khuyên buông bỏ.

a) Nói khởi ái kiến đại bi, tức phải lìa bỏ. Nếu đối với Trung đạo pháp thân mà khởi ái, tức là thuận đạo ái sinh, gọi là đảnh đạo. Bồ-tát tuy vậy không đạo vào Nhị địa, vì nó chướng nhập ngôi vị Bồ-tát. Nếu dùng Bi tâm muốn cứu khổ sinh tử hai biên, gọi là ái kiến Bi, thì không phải chỉ tự thể thành bệnh cũng do hai định tuệ đại bi song chiếu không rõ ràng, tổn sức phương tiện, ngăn ngại đại dụng. Như thân có bệnh thì chân tay cũng yếu ớt không thể làm việc, chính biết thể có bệnh ái kiến, định tuệ đại bi đều có chướng vậy. Lại chân tay có bệnh thì hay liên lụy đến thân. Nếu định tuệ có chướng thì hay chướng quán thể. Chướng quán thể này nếu có ái kiến duyên với chúng sinh, tức là ái kiến Bi, không phải chỉ tự thể có chướng. Cũng chướng phước tuệ trang nghiêm, hai đế cùng song quán khắp lợi ích chúng sinh.

b) Giải thích thị phi: “Sở dĩ... giải phước” trừ thất hiển bày đặc. Văn có hai: Trừ thất và hiển đặc.

- Trừ thất. Bồ-tát đoạn trừ khách trần, ái kiến tức vô minh, không có mà có nên gọi là khách trần hay che tâm tự tánh. Nếu dùng Bi tâm muốn cứu khổ nhị biên của chúng sinh, tức đối với sinh tử có tâm lười chán. Vì sao? Vì quán thể nếu có ái kiến thì dụng chiếu hai đế không rõ ràng. Nên từ bi hóa người ngoài, liền có lười mỗi, như thân có bệnh chẳng muốn bước đi. Đây là trừ thất.

- Hiển đặc, nếu hay lìa đây không có lười mỗi. Nếu hay lìa ái kiến này, thì nội quán thấu suốt song chiếu không trệ ngại, dùng Vô duyên đại từ hóa vật không mệt mỗi. Như thân không bệnh, việc làm đều thành, các thứ sinh ra đều không bị ái kiến ngăn cản. Nếu đoạn vô minh ái kiến, thì không có phiền não ngoại giới. từ bi thệ nguyện, tùy chỗ chúng sinh có bệnh duyên mà thọ thân hóa vật. Mình đã không có các ràng buộc của phần đoạn, biến dịch, thì có thể mở các buộc ràng của chúng sinh ấy. Cho nên nói rằng: Ứng sinh không có triền phước, nên hay vì chúng sinh mà thuyết pháp cởi mở triền phước cho họ. Đây là hiển đặc.

c) Dẫn chứng lời Phật nói để giải thích nghĩa chánh quán “Như Phật... thị xứ”. Nghĩa rất sâu xa nhưng hạnh cạn thấu suốt mà sinh nghi ngờ, nên cần phải dẫn chứng.

d) Kết khuyến giải thích. Thế nên Bồ-tát không nên khởi phước phân bày chứng cứ rõ ràng có thật, đủ để đoạn nghi sinh tin tưởng. Nên kết khuyên rằng “Không nên khởi phước”.

Hai, căn cứ thiền bỏ phi bày thị “Sao gọi là...”. Văn có hai: Bỏ phi. Bày thị.

1) Bỏ phi: Tham đắm thiền vị là triền phược của Bồ-tát, phược tức là phi. Nếu tham đắm hữu lậu căn bản thiền mười hai môn thì liền đọa sinh vào đồng cư. Nếu tham đắm vô lậu quán luyện huân tu, liền đọa sinh vào hữu dư. Nếu tham đắm chín thứ Đại thiền Thủ-lãng-nghiêm... một trăm lẻ tám Tam-muội, thì đọa sinh vào quả báo, đều không tránh khỏi triền phược.

2) Căn cứ thiền bày thị “nếu Phương tiện sinh là Bồ-tát giải thoát”. Nếu quán Trung đạo mà không nhiếp ba thứ trước, thế sinh vào ba cõi là dùng phương tiện mà sinh, tuy sinh vào ba cõi mà ba thứ phược kia không có lại hay cởi mở các phược cho chúng sinh nên nói phương tiện sinh là Bồ-tát giải thoát.

Ba, căn cứ hai trí nói phi “Lại không phương tiện...”. Văn có hai: Xét về tu hành hai trí. Xét về chân ứng hai trí.

Tu hành là dụng nhân chân ứng là xét quả.

Xét về tu hành có ba: Một là Lược dùng bốn trường hợp nêu chương. Hai là Bốn lần giải thích. Ba là Tổng kết.

- Nêu chương, hai trường hợp đầu là nêu phược thoát chương môn của thật trí. Hai trường hợp sau là nêu phược thoát chương môn của quyền trí, như văn nói.

- Giải thích bốn chương môn trước “Hà vị... phương tiện giải”. Một, là giải thích không có phương tiện tuệ thì buộc nghĩa là dùng tâm ái kiến khi tu chánh quán thì không thể thấu suốt bất sinh, bất sinh bất khả thuyết. Lại không có trợ đạo nhờ phát thật tuệ. Thật tuệ không phát, đến nổi sinh ái kiến. Nếu dùng tâm này mà tu hành sáu Độ, trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sinh. Tu ba thoát môn mà điều phục, thì không thể phát chân, phá vô minh chướng mà hiển hiện pháp thân, tự lợi lợi tha, tức là Không có phương tiện tuệ phược. Như thân có bệnh không thể vận động. Hai, là giải thích có phương tiện tuệ thì mở, nghĩa là Không dùng tâm ái kiến. Chỉ không dùng tâm ái kiến trái với trước là khác, còn nghĩa khác đều đồng với trước nói. Ba, là giải thích không có tuệ phương tiện thì buộc, nghĩa là trụ ở ba cõi, đây là tu quán hạnh, không gia công tu chân tuệ để phá ba độc thông biệt. Dùng tâm bất tịnh mà vào phương tiện muôn hạnh không dẫn dắt, tức là Không có tuệ phương tiện thì buộc. Như người tay chân có bệnh không an vui. Bốn, là giải thích có tuệ phương tiện thì mở, nghĩa là lìa ba độc, vì lìa ba độc trái với trước là khác, còn các thứ khác thì đồng trước nói.

Hỏi: Ái kiến cùng ba độc có gì khác?

Đáp: Ái kiến là thuận đạo mà khởi, còn ba độc phần nhiều là đấm trước ở y chánh báo mà sinh.

Hỏi: Thành tựu chúng sinh cùng gieo trồng gốc các đức có gì khác?

Đáp: Lợi vật Vô duyên đại bi gọi là thành tựu chúng sinh tức là trí tập dung thức thông, như thế mà nhận lấy Tịnh độ, tự hành nhất tâm mà đầy đủ muôn hạnh, hồi hướng quả Bồ-đề, gọi là gieo trồng gốc các đức. Tức là Không phải hình dùng mà đệ nhất thể, không phải trang nghiêm mà trang nghiêm.

- Tổng kết khuyên “Văn-thù... Quán chư pháp”, Bồ-tát có bệnh thật vô minh, nên như thế mà khéo dùng hai trí để quán các pháp, tức là dùng trợ giúp chánh, dùng chánh dẫn trợ. Đây tức là khéo dùng hai trí để tự lợi lợi tha.

Xét về chân ứng luận hai trí “Lại còn quán thân...”. Văn có hai: Một là, Quán thân có bệnh thật bệnh quyền mà nói hai trí. Hai là, Quán thân bệnh không lìa bất diệt mà nói hai trí.

Phần một, lại có hai: Quán pháp thân bệnh thật, tức là thật trí, và quán ứng thân bệnh quyền tức là quyền trí. Vì sao? Vì chiếu cảnh quyền thật tùy cảnh mà được tên.

- Quán thân bệnh thật: Lại còn quán thân vô thường, khổ, không vô ngã. Đó gọi là lấy tuệ làm quán này, trước nói về thật tuệ. Quán pháp thân lý thật cảnh sâu xa rộng sáng gọi là thật tuệ. Nay Bồ-tát pháp thân có bệnh, cũng còn bệnh nhân, bệnh quả ấy là vô thường... tức việc không thật, tức là pháp tánh là thật tuệ. Bồ-tát chưa chứng cực quả, nhân địa pháp thân có thường và vô thường như hai chim cùng dạo chơi là ý ở đây.

- Nói chiếu cảnh ứng thân bệnh quyền “Tuy thân... phương tiện) tức là trí phương tiện vậy. Vì sao? Vì tuy thân có bệnh tức là pháp thân Bồ-tát có, hoặc lụy chưa hết, cũng có bệnh thật vô minh biến dịch. Thường ở trong sinh tử, tức là ứng thân thường ở sinh tử nội ngoại giới. Sở dĩ thường ở, tức vì nhiều ích tất cả mà không lười mỗi. Đó gọi là phương tiện, tức là chiếu quyền cảnh làm quyền trí.

Phần hai, quán thân không lìa bất diệt “Lại còn...) nói hai trí. Văn có hai: Căn cứ không lìa mà nói thật trí và căn cứ bất diệt mà nói quyền trí.

- Căn cứ không lìa: Lại còn quán thân, thân không lìa bệnh, là Bồ-tát có bệnh quán thân thật tướng, tức là tự tánh thanh tịnh, tâm

không nhiễm mà nhiễm, khó thể biết rõ, nếu đoạn chưa dứt tức là thân không lìa bệnh. Lại pháp thân đại bi đồng bệnh chúng sinh. Pháp thân hiện bệnh nên nói thân không lìa bệnh. Bệnh không lìa thân, là bệnh thật bệnh quyền không lìa pháp thân, mà có bệnh ấy. Thân ấy không phải là mới không phải cũ, tức là vô minh bệnh thật cùng bốn pháp thân không có trước sau, chỉ không phải đầu hay cuối. Chúng sinh bệnh từ vô thủy không mới không cũ. Bồ-tát đồng bệnh cũng không phải mới cũ. Ấy gọi là tuệ, tức là thật trí.

- Căn cứ bất diệt để nói quyền trí “giả sử thân có bệnh mà không mất hẳn”. Bồ-tát có bệnh đã trụ vào chánh quán không ứng hiện thân bốn đại tăng động do túc nghiệp gây ra. Giả sử có bệnh nặng, liền quán nhập pháp môn. Nên nói là Không mất hẳn. Giả sử là giả lập, hai trí quyền thật đều là giả lập. Bệnh thật tức là vô minh giả lập. Nên kinh Kim Quang Minh có nói: “Không có các thứ nên giả gọi là vô minh.” bệnh quyền do chúng sinh mà khởi, cũng là giả lập. Mà không mất hẳn, là cũng không có thật và quyền. Thật là tuy có bệnh này nhưng thể nhập bệnh là Không bệnh, không đoạn, không phá. Vì bệnh mình mà thương xót bệnh người. Nếu quán bệnh này mà nhập thật tướng, thì được Vô duyên đại bi, lại dùng đó mà lợi sinh nên nói là Không mất hẳn. Quyền là, nếu có một chúng sinh hết bệnh thì vì các chúng sinh khác cũng phải hiện bệnh, nên không mất hẳn.

Phần hai, Đạo quán song lưu, Nhân quán thành hạnh “Văn-thù-sư-lợi...”. Đây là phẩm Hương Tích làm gốc. Phẩm đó nói hạnh Bồ-tát ở cõi uế tịnh. Để thành nghĩa này, văn có hai:

- a) Kết quán trước để làm gốc hạnh.
- b) Chính nói hạnh song lưu.

Phần a, lại có ba: 1/ Nói điều phục quán thành. 2/ Giải thích. 3/ Kết thành gốc hạnh.

Nói điều phục quán thành: Bồ-tát có bệnh nên như thế mà điều phục tâm mình. Cũng lại không trụ ở tâm chẳng điều phục. Ở trên phần nhiều nói không đoạn phiền não, nếu bất đắc ý thì buông lung với phiền não, tâm theo vọng pháp lại đồng với phàm phu.

Giải thích kết lỗi “Sở dĩ... Thanh văn pháp”. Nếu trụ ở tâm không điều phục là pháp người ngu, hoàn toàn đồng ngu, không phải tức ngu thông thường. Cũng như mắng người là lừa thì không phải là lừa. Nếu trụ ở tâm điều phục là pháp Thanh văn, cũng chỉ là tương tự không phải đồng.

Kết thành gốc hạnh “Thị cố... Bồ-tát Hạnh”. Nếu lìa hai pháp mà

được chấp nhận thì gốc của Bồ-tát lập hạnh, nên nói là hạnh Bồ-tát.

Phần b Chính nói hạnh song lưu. Văn có năm: 1/ Cùng nói hạnh song lưu căn cứ . 2/ Riêng nói hạnh song lưu căn cứ .3/ Ước đạo phẩm chánh quán nói hạnh song lưu căn cứ . 4/ Ước hiện tướng tự nói hạnh song lưu căn cứ . 5/ Ước y chánh báo nói hạnh song lưu căn cứ .

Cùng nói hạnh song lưu: Có ba hàng: Ở trong sinh tử mà không có hạnh nhiễm ô. Nếu Trung quán tương ứng vào tục không nhiễm, trụ ở Niết-bàn mà không diệt độ hẳn, lưu nhập thiên chân mà không thủ chứng. Không phải hạnh phàm phu, là lưu nhập chân vậy. Không phải hạnh Hiền Thánh, là nhập tục tự tại, không đồng với Nhị thừa. Không phải hạnh nhỏ, là lưu nhập vào chân. Không phải hạnh sạch là lưu nhập vào tục.

Riêng nói hạnh song lưu “Tuy quá... là Hạnh Bồ-tát”, có mười lăm hạnh. Tuy ngoài ma hạnh mà hàng phục các ma, vì chánh quán tương ứng nên hay vào tục mà hàng ma. Cầu Nhất thiết trí là lưu nhập vào Chân không. Không cầu phi thời, chứng Nhất thiết trí mà không rơi vào Nhị địa. Tuy quán các pháp Bất sinh, lưu nhập Chân không. Tuy hóa độ Nhị thừa mà không rơi vào Nhị địa. Tuy quán mười hai duyên khởi vốn tự bất sinh mà lưu nhập tục đế duyên khởi. Khởi sáu mươi hai kiến hóa độ các ngoại đạo. Tuy nhiếp tất cả chúng sinh, tuy vào tục đế dùng bốn nhiếp pháp nhiếp phục tất cả chúng sinh vào Nhất thật đế, hòa quang mà không đồng trần nên không đấm trước. Tuy ưa xa lìa, lưu nhập vào Chân không, hay xa lìa phiền não sinh tử mà không hội đoan. Tuy hành ở ba cõi. Tuy vào tục đế hành ở ba cõi, tức chiếu thế đế mà không hư hoại pháp tánh, tức là chiếu chân đế. Tuy hành ở không, lưu nhập thiên chân mà tu đủ muôn hạnh, như trồng cây trên không trung. Tuy hành vô tướng, lưu nhập thiên chân mà vô tướng không hại độ sinh. Tuy hành vô tác lưu nhập thiên chân, mà vô tác không hại việc thọ thân lục đạo. Tuy hành vô khởi lưu nhập thiên chân, không khởi mà khởi muôn thiện. Tuy hành Lục độ, tuy nhập tục đế mà đồng sáu Độ của Bồ-tát, mặc tình chiếu khắp tâm chúng sinh. Tuy hành lục thông tự nhiên vào tục, nên được ngũ thông nhập chân mà không lậu tận, không đồng với Nhị thừa. Tuy hành bốn Vô lượng tâm, lưu nhập Phạm thiên, hành ở tục đế mà không chịu tập sinh tử của Phạm thế. Làm thân Phạm vương. Tuy hành thiền định giải thoát Tam-muội, tuy nhập các thiền tục đế mà không tùy thiền sinh sắc giới. Không tùy định sinh cõi Vô sắc, không tùy giải thoát mà sinh Tịnh cư. Cũng không tùy giải thoát Tam-muội mà sinh cõi Hữu dư.

Căn cứ Ước ba mươi bảy phẩm chánh quán mà nói hạnh song lưu “Tuy hành... là Bồ-tát hạnh”. Tuy hành bốn Niệm xứ, chánh quán tương ứng, tự nhiên lưu nhập tích thể niệm xứ thấy chân mà không bỏ, thân thọ tâm pháp của tục đế. Tuy hành bốn Chánh cần, lưu nhập tích thể chánh cần, thấy chân mà không bỏ thân tâm tinh tấn tục đế. Tuy hành bốn Như ý túc, lưu nhập tích thể như ý, thấy chân mà luôn được thân thông tự tại tục đế. Tuy hành ngũ căn, lưu nhập tích thể ngũ căn, thấy chân mà thường vào tục, phân biệt các căn lợi độn chúng sinh. Tuy hành ngũ lực, lưu nhập tích thể ngũ lực, thấy chân mà luôn cầu mười lực của Phật chiếu tục. Tuy hành bảy Giác phần, lưu nhập tích thể thất giác, thấy chân mà phân biệt Nhất thiết chủng trí của Phật. Tuy hành tám Chánh đạo, lưu nhập tích thể bát chánh thấy chân mà ham thích Phật đạo. Tuy hành pháp chỉ quán trợ đạo lưu nhập sự chỉ quán trợ tích thể, thấy chân mà không nhập vào khô đoạn. Ở thế tục mà hóa độ, đây là Nhị đế song lưu đều khác với Nhị thừa, nên đều kết thành hạnh Bồ-tát.

Căn cứ hiện tượng “Tuy hành... là hạnh Bồ-tát” nói hạnh song lưu. Vẫn có ba hàng. Tuy hành bất sinh bất diệt, là chánh quán tương ứng lưu nhập chân đế bất sinh bất diệt mà hiện tượng hảo trang nghiêm tục đế. Tuy hiện oai nghi Thanh văn và Bích-chi-Phật lưu nhập hiện ngoại oai nghi, nhập chân mà hay nhập tục, không buông bỏ tất cả Phật pháp. Đây tức là hạnh nội bí của Bồ-tát ngoại đạo hiện làm Thanh văn, tuy tùy các pháp tịnh tướng rất ráo, lưu nhập bốn bất khả thuyết bình đẳng pháp giới, mà hay hiện thân lợi ích ngoại giới.

Căn cứ y chánh báo toát yếu giúp thành thể tông này. Vẫn có hai hàng. Tuy quán bình đẳng, nếu chánh quán tương ứng biết Thường tịch quang mà hay khởi tịnh độ Đồng cư nội giới, tịnh độ Hữu dư và tịnh độ quả báo ngoại giới. Đây là kết thành nhân quả Phật quốc làm tông. Tuy được bình đẳng, là nếu chánh quán tương ứng về Biệt thì nhập Sơ địa, về Viên thì nhập sơ trụ. Với chúng sinh đáng dùng thân Phật để độ thì hay hiện ra tám tướng, mà chân ứng chưa rốt ráo cần phải tu các trụ hạnh cho đến Đẳng giác các đạo hạnh Bồ-tát, nên nói không buông bỏ đạo Bồ-tát đó là hạnh Bồ-tát. Đây là kết thành thể dụng trụ ở giải thoát bất tư nghị. Nếu các sư không tin kinh này nói pháp thân Tịnh độ quả ngoại làm sao hiểu được văn này?

Phần năm nói về thời chúng được lợi ích Từ “Thuyết thị đến Tam Bồ-đề tâm” : Tám ngàn Thiên tử phát tâm Bồ-đề. Nghĩa tâm Bồ-đề thì trước đã giải thích đầy đủ.
